



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒
Ngành: Y học Chuyên ngành: Nhãn khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI THỊ VÂN ANH
2. Ngày tháng năm sinh: 30/4/1971 ; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thái Học, Thái Thụy, Thái Bình
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 77 Trần Đại Nghĩa, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 85 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại di động: 0903.422.256 ; E-mail: buivananh@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 4/2001 đến 1/2015	Cán bộ Phòng Huấn luyện – Quản lý khoa học và đào tạo, Bác sỹ điều trị tại Khoa Glôcôm, bệnh viện Mắt Trung ương
đến 1/2015	Phó trưởng phòng Quản lý khoa học đào tạo, Bác sỹ điều trị tại Khoa Glôcôm, bệnh viện Mắt Trung ương
Từ 1/2015 đến 10/2017	Phó Trưởng Khoa Glôcôm, Bệnh viện Mắt Trung ương
Từ 10/2017 đến nay	Trưởng phòng Quản lý khoa học đào tạo, bệnh viện Mắt Trung ương

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Mắt Trung ương

Địa chỉ cơ quan: 85 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0834228956

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Đại học Y Hà Nội - Đại học Y Dược Thái Bình

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): 1. Đại học Y dược Thái Bình; 2. Đại học Y Hà Nội;

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày 05 tháng 9 năm 1994, ngành: Y học, chuyên ngành: Y đa khoa. Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 06 tháng 05 năm 2002, ngành: Y học, chuyên ngành: Nhân khoa. Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 01 tháng 03 năm 2012, ngành: Y học, chuyên ngành: Nhân khoa. Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ...tháng ...năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Y dược Thái Bình

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Điều trị glôcôm phức tạp
- Theo dõi và quản lý lâu dài bệnh glôcôm
- Nâng cao chất lượng phẫu thuật thể thủy tinh
- Cận thị nặng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS cấp bộ môn;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 12 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 15 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 60 bài báo KH, trong đó 07 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 07 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2017	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	QĐ số 232/QĐ-BVMTW ngày 28/2/2018 của Bệnh viện Mắt Trung ương
2018	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	QĐ số: 87/QĐ-BVMTW ngày 22/1/2019 của Bệnh viện Mắt Trung ương
2019	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	QĐ số: 1819/QĐ-BVMTW ngày 30/12/2019 của Bệnh viện Mắt Trung ương.

Các hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2016	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	QĐ số: 3199 /QĐ-BYT ngày 12/7/2017 của Bộ Y tế

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Trong quá trình giảng dạy và công tác, tôi nhận thấy mình đáp ứng được với tiêu chuẩn và tư cách của nhà giáo về tư cách đạo đức và yêu cầu chuyên môn. Có phẩm chất và tư cách đạo đức tốt. Có thái độ giao tiếp, ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, học viên và bệnh nhân. Cố gắng thực hiện, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học. Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 09 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014 -2015			1 (HD2)			154	162,3
2	2015-2016			2 (1HDC+1HD2)			127	160,3
3	2016-2017			1 (HDC)			151	221
3 năm học cuối								
4	2017-2018			3 (3HDC)			126	336
5	2018-2019		1	3 (3HDC)			114	390,7
6	2019-2020			1 (HD2)			167	190,3

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Sư phạm ngoại ngữ Hà Nội - số bằng: 22405; năm cấp: 1995

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngoại ngữ

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Quế Anh		x	x		2012-2013	ĐHYHN	06/3/2014
2	Phạm Xuân Hoàng		x		x	2014-2015	ĐHYHN	10/2/2015
3	Dương Diệu Hương		x	x		2015-2016	ĐHYHN	26/2/2016
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc		x		x	2015-2016	ĐHYTCC	28/12/2016
5	Bùi Thị Quỳnh Anh		x	x		2016-2017	ĐHYHN	25/1/2017
6	Lê Thanh Thảo		x	x		2017-2018	ĐH Thăng Long	11/12/2017
7	Nguyễn Thị Dịu		x	x		2017-2018	ĐHYHN	11/01/2018
8	Hoàng Thanh Tùng		x	x		2017-2018	ĐHYHN	08/01/2018
9	Phạm Thị Thanh Thủy		x	x		2018 -2019	ĐH Thăng Long	03/12/2018
10	Hà Đức Thiện		x	x		2018 -2019	ĐH Thăng Long	03/12/2018
11	Nguyễn Thị Dinh		x	x		2018-2019	ĐHYHN	16/12/2019
12	Mai Lan Anh		x		x	2018-2020	ĐHYHN	6830/QĐ- ĐHYHN ngày 16/12/2019
13	Nguyễn Thị Thu Hiền	x			x	2016-2020	ĐHYHN	Đã bảo vệ cấp Bộ môn

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản -năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ nghiên cứu sinh							
0							
Sau khi bảo vệ nghiên cứu sinh							
1	Điều dưỡng Nhân khoa	GT	NXB Y học 2012	56	Tham gia biên soạn	9-262	Trường ĐH Y Hà Nội 893-521-84-0326-3
2	Nhân khoa (Tập 1)	GT	NXB Y học 2014	15	Tham gia biên tập và biên soạn	264-274	Bộ Y tế, Trường ĐH Y Hà Nội 978-604-66-0692-5
3	Nhân khoa (Tập 2)	GT	NXB Y học 2014	16	Tham gia biên tập và biên soạn	190-203; 241-261	Bộ Y tế, Trường ĐH Y Hà Nội 978-604-66-0692-5
4	Hướng dẫn về glôcôm	Tham khảo	NXB Y học 2014	9	Tham gia biên tập và biên soạn	1-116	
5	Hướng dẫn đọc thị trường	TK	NXB Y học 2018	1	Chủ biên	1-68	Trường ĐH Y Dược Thái Bình 1010/QĐ-YDTB ngày 10/6/2020
6	Bệnh đục thể thủy tinh Chẩn đoán và điều trị	TK	NXB Y học 2019	3	Chủ biên	31-110	Trường ĐH Y Dược Thái Bình 1009/QĐ-YDTB ngày 10/6/2020
7	Quản lý bệnh glôcôm	CK	NXB Y học 2020	1	Chủ biên	1-215	Trường ĐH Y Dược Thái Bình 1012/QĐ-YDTB ngày 10/6/2020

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau tốt nghiệp tiến sĩ: cuốn số 7: “Quản lý bệnh glôcôm” là sách chuyên khảo do nhà xuất bản Y học xuất bản năm 2020.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ nghiên cứu sinh: 15					
1	Xây dựng hệ thống quản lý bệnh nhân glôcôm ở một số tuyến cơ sở nhãn khoa	Thư ký	Cấp Bộ	2008 -2011	17/1/2012
2	Nghiên cứu ứng dụng laser cắt chi khâu vạt củng mạc sau phẫu thuật cắt bè củng giác mạc	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2012-2013	27/2/2014
3	Nghiên cứu tác dụng hạ nhãn áp của thuốc Ganfort trong điều trị glôcom góc mở	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2014-2015	18/6/2015
4	Đánh giá tình trạng bong thắm sau 5 năm phẫu thuật cắt bè củng giác mạc điều trị glôcom	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2014-2015	18/6/2015
5	Đánh giá tình trạng xơ hóa bao thể thủy tinh thứ phát sau phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo hậu phòng	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2014-2015	18/6/2015
6	Đánh giá hiệu quả của Sodium hyaluronate điều trị khô mắt trên bệnh nhân glôcom dùng thuốc hạ nhãn áp dạng nhỏ mắt	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2015-2016	29/4/2016
7	So sánh độ chính xác của công suất IOL tính theo công thức thể hệ II và III	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2016-2017	25/1/2017
8	Tìm hiểu yếu tố nguy cơ của bệnh	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2016-2017	25/1/2017

	glôcôm góc mở nguyên phát	đề tài			
9	So sánh các hệ thống phân loại tổn thương thị trường trên bệnh nhân glôcôm góc mở nguyên phát	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2017-2018	31/1/2018
10	Đánh giá biểu hiện của đầu thị thần kinh trong bệnh glôcôm trên mắt cận thị	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2017-2018	31/1/2018
11	Nhận xét ảnh hưởng của chức năng thị giác đối với chất lượng cuộc sống của bệnh nhân glôcôm	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2017	31/1/2018
12	Đánh giá thực trạng phối hợp của bệnh nhân glôcôm khi đo thị trường Matrix	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2018	21/1/2019
13	Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh nhân khô mắt đến khám tại phòng khám của bệnh viện Mắt trung ương	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2018	21/1/2019
14	Đánh giá hiệu quả tạo hình móng mắt bằng laser Argon tạo hình chân móng mắt trên mắt glôcôm góc đóng cơn cấp	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2019	23/12/2019
15	Đánh giá hiệu quả phẫu thuật cắt củng mạc sâu sử dụng vật củng mạc không khâu kết hợp độn Ologen trong điều trị glôcôm góc mở	Chủ nhiệm đề tài	Cấp cơ sở	2018 -2019	23/12/2019

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ nghiên cứu sinh								
1	Nghiên cứu bước đầu điều trị cận thị cao bằng phương pháp tán nhuyễn thể thủy tinh còn trong và đặt thể thủy tinh nhân tạo	3		Nhãn khoa Việt Nam			số 1; tr.47-54	2004
2	Kết quả bước đầu sử dụng thể thủy tinh nhân tạo cài mống mắt điều trị cận thị cao trên mắt còn thủy tinh thể	2		Nhãn khoa Việt Nam			số 8; tr.43-51	2006
3	Kết quả bước đầu phẫu thuật đặt van dẫn lưu thủy dịch tiền phòng điều trị các dạng glôcôm khó điều chỉnh nhãn áp	2	x	Y học lâm sàng			số 43/ tháng 8; Tr.42 - 47	2009
4	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm thứ phát do hội chứng nội mô mống mắt giác mạc	2	x	Nhãn khoa Việt Nam			số 16; tr.10.-16	2010
Sau khi bảo vệ nghiên cứu sinh								
5	Đánh giá hiệu quả của thông tin tuyên truyền lên kiến thức và thực hành của người bệnh glôcôm	2		Y học thực hành			Tập 822/ số 5; tr. 81-84	2012
6	Đánh giá kết quả của thuốc tra mắt Besivance (Besifloxacin Ophthalmic Suspension 0.6%) trong điều trị viêm loét giác mạc do vi khuẩn	4		Y học Việt Nam			Tập 445- tháng 8/ số 1; tr. 40-44	2016
7	Đánh giá thuận năng điều tiết trên mắt cận thị	3		Y học Việt Nam			Tập 445- tháng 8/ số 1; tr. 100 - 105	2016
8	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật laser cắt chỉ nắp củng mạc sau phẫu thuật cắt bè	3		Y học Việt Nam			Tập 444 - tháng 7/ số 1; tr. 30-32	2016

9	Mối liên quan giữa một số yếu tố hành vi và bệnh glôcôm góc mở nguyên phát	4		Y học Việt Nam			Tập 453/số 2- tháng 4; tr.151-154	2017
10	Kết quả ứng dụng mô hình quản lý người bệnh glôcôm tại tỉnh Nam Định	2	x	Y học Việt Nam			Tập 453/số 2- tháng 4; tr.190-194	2017
11	Kết quả điều trị hạ nhãn áp trên mắt glôcôm tân mạch bằng phẫu thuật đặt van dẫn lưu thủy dịch tiền phòng	2	x	Y học Việt Nam			Tập 454/Số đặc biệt - tháng 5; tr.14-22	2017
12	Một số đặc điểm nhân khẩu học và bệnh học của bệnh nhân glôcôm góc mở nguyên phát tại bệnh viện Mắt trung ương năm 2016	3	x	Y học Việt Nam			Tập 454/Số đặc biệt - tháng 5; tr.29-38	2017
13	Nhận xét một số biến chứng phẫu thuật đặt van dẫn lưu thủy dịch tiền phòng	1	x	Y học Việt Nam			Tập 454/Số đặc biệt - tháng 5; tr.81-88	2017
14	Kết quả điều trị đặt van dẫn lưu thủy dịch tiền phòng trên mắt đã phẫu thuật cắt bè nhãn áp không điều chỉnh	2	x	Y học Việt Nam			Tập 454/Số đặc biệt - tháng 5; tr.276-285	2017
15	Đặc điểm chỉ số OSDI trên mắt glôcôm góc mở nguyên phát có khô mắt nhãn áp điều chỉnh với thuốc tương tự Prostaglandin	2	x	Y học thực hành			Tập 1062/số 11; tr.30-33	2017
16	Chất lượng cuộc sống và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân glôcôm tại khoa Glôcôm bệnh viện Mắt Trung ương	5		Y học thực hành			số 10/1060; tr.11. - 15	2017
17	Trường hợp co rút mi trên sau phẫu thuật cắt bè	2	x	Y học thực hành			Tập 1034/số 2; tr.161 - 162	2017
18	Kết quả bước đầu điều trị tăng nhãn áp thứ phát sau mổ ghép giác mạc bằng phẫu thuật	4	x	Y học thực hành			Tập 1037/số 3; tr.276-279	2017
19	Chăm sóc sẹo bong kết mạc sau mổ đặt van dẫn lưu thủy dịch tiền	4	x	Y dược học quân sự			Vol 42/ số 3 - tháng 3; tr.193 -	2017

	phòng điều trị glôcôm phức tạp					199	
20	Biến đổi giác mạc mạc sau phẫu thuật phaco đặt thể thủy tinh nhân tạo	3	x	Y dược học quân sự		Vol 42/ số 2- tháng 2; tr.207 - 211	2017
21	Kết quả sử dụng hyaluronat 0,18% điều trị tổn thương thực thể do khô mắt trên mắt glôcôm góc mở nhãn áp điều chỉnh bằng thuốc tra nhóm prostaglandin	2	x	Y dược lâm sàng 108		Tập 12- số đặc biệt 11; tr.285 - 290	2017
22	So sánh khả năng phân loại mức độ tổn thương của các hệ thống phân loại thị trường với hệ phân loại DDLS trong bệnh glôcôm	2	x	Y học Việt Nam		Tập 463/số 1 - tháng 2; tr.77-80	2018
23	Mối tương quan giữa các hệ thống phân loại thị trường trong bệnh glôcôm góc mở nguyên phát	2		Y học Việt Nam		Tập 463/số 1 - tháng 2; tr.141-144	2018
24	So sánh kết quả phẫu thuật cắt bè củng giác mạc có và không áp 5Fluorouracil trong điều trị glôcôm	1	x	Y học Việt Nam		Tập 463/số 2 - tháng 2; tr. 54-58	2018
25	Sử dụng laser quang động điều trị tân mạch dưới võng mạc trong bệnh thoái hóa hoàng điểm tuổi già	2	x	Y học Việt Nam		Tập 465/ số 2- tháng 3; tr.67-70	2018
26	Đặc điểm xoắn và nghiêng đĩa thị trên mắt cận thị nặng kết hợp glôcôm góc mở	2	x	Y học Việt Nam		Tập 465/ số 2- tháng 3; tr.146-150	2018
27	Đặc điểm đầu thị thần kinh trên mắt glôcôm góc mở nguyên phát có cận thị nặng	2	x	Y học Việt Nam		Tập 466/ số 1- tháng 4; tr.121-126	2018
28	Kết quả khám sàng lọc bệnh nhân glôcôm tại hai tỉnh Thái Bình - Nam Định	2	x	Y học Việt Nam		Tập 466/ số 1- tháng 5; tr.70-74	2018
29	Kết quả sử dụng thấu kính nội nhãn đa tiêu cự trong phẫu thuật phaco	3		Y học Việt Nam		Tập 466/ số 1- tháng 5; tr.130-134	2018

30	Sự phối hợp của người bệnh glôcôm trên máy thị trường Humphrey Matrix tại bệnh viện Mắt trung ương năm 2018	2		Y học thực hành			số 10/1083; tr.12.- 15	2018
31	Thực trạng khô mắt theo thang điểm OSDI và các yếu tố liên quan của người bệnh khô mắt đến khám tại bệnh viện Mắt trung ương năm 2018	3		Y học thực hành			số 10/1083; tr.28-32	2018
32	Laser quang động trong điều trị tân mạch dưới võng mạc vùng hoàng điểm do các bệnh ngoài thoái hóa hoàng điểm tuổi già	1	x	Y dược lâm sàng 108			Tập 13/số 5; tr.21-25	2018
33	Nghiên cứu sử dụng áp 5Fluouracil nắp củng mạc trong phẫu thuật lỗ dò điều trị glôcôm người trẻ và glôcôm tái phát	2	x	Y dược lâm sàng 108			Tập 13/số 5; tr.45-50	2018
34	Xác định giai đoạn bệnh glôcôm thông qua chỉ số thị trường	2	x	Y dược lâm sàng 108			Tập 13/số 5; tr.57-62	2018
35	Đặc điểm tình trạng xơ hóa bao trước sau phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh đặt thể thủy tinh nhân tạo tại bệnh viện Mắt trung ương năm 2014	2	x	Y dược lâm sàng 108			Tập 13/số 4; tr.72-79	2018
36	Khảo sát tình trạng đục bao sau thứ phát và các yếu tố đặc điểm thể thủy tinh nhân tạo liên quan tới đục bao sau thứ phát	1	x	Y dược lâm sàng 108			Tập 13/số 3; tr.64-70	2018
37	Kết quả thị lực và khúc xạ sau phẫu thuật phaco với công suất thể thủy tinh nhân tạo tính bằng các công thức thể hệ mới	2	x	Y dược lâm sàng 108			Tập 13/số 3; tr.78-84	2018
38	Tác động biến đổi nhãn áp của Ganfort trên mắt glôcôm góc mở	2	x	Y dược lâm sàng 108			Tập 13/số 2; tr.8-13	2018
39	So sánh kết quả khúc xạ khi sử dụng công thức thể hệ 3 và thể hệ 4 trong tính công suất thể thủy tinh nhân tạo.	3	x	Y dược lâm sàng 108			Tập 13- số đặc biệt/tháng 5; tr.5 -11	2018
40	Medically uncontrolled intraocular pressure in mucopolysaccharidosis type VI	3		Clinical and experimental Ophthalmology	IF: 3,411 ISSN: 1442-6404 eISSN:1442-9071	h-index: 67		2018

41	Tình hình bệnh nhân glôcôm điều trị ngoại trú tại phòng khám Dixpanse khoa Glôcôm, Bệnh viện Mắt Trung ương	4		Nhãn khoa Việt Nam			số 55; tr.34-44	2019
42	Đánh giá chỉ số độ sâu tiền phòng và trực nhãn cầu trên mắt cận thị ở lứa tuổi thanh niên	3		Y học Việt Nam			Tập 475/ số 1- tháng 2; tr.73-76	2019
43	Đánh giá chỉ số khúc xạ giác mạc và trực nhãn cầu trên mắt cận thị ở lứa tuổi thanh niên	3		Y học Việt Nam			Tập 475/ số 2- tháng 2; tr.119-122	2019
44	Đặc điểm lâm sàng của co rút mi trên mức độ vừa và nặng	3		Y học Việt Nam			số 1+2 tháng 12/ tập 485; tr.60-63	2019
45	Nghiên cứu hiệu quả phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi điều trị co rút mi trên mức độ vừa và nặng	3		Y học Việt Nam			Số 2 tháng 11/ tập 484; tr. 48-51	2019
46	Các yếu tố liên quan tới kết quả phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi điều trị co rút mi trên mức độ vừa và nặng	3		Y học Việt Nam			số 2 tháng 11/ tập 484; tr.143 - 146	2019
47	Kết quả tạo hình mống mắt bằng laser trong điều trị glôcôm góc đóng nguyên phát cấp tính	3		Y học thực hành			số 9/ 1109; tr.158 - 160	2019
48	Đánh giá hiệu quả phẫu thuật cắt củng mạc sâu sử dụng vật củng mạc không khâu kết hợp độn collagen dưới kết mạc	2		Y học thực hành			số 9/ 1109; tr.161 - 164	2019
49	Clinical and Microbiological Features of Pediatric Endophthalmitis After Open Globe Injury in the North of VietNam	8		Macedonia n Journal of Medical Sciences	IF:0,55 ISSN:18579 655	H-index 11	Vol7/ no24 – Dec; p.4306-4310	2019
50	Assessing the Status of Filtering Blebs at 5 Year Post-Trabeculectomy	9	x	Macedonia n Journal of Medical Sciences	IF:0,55 ISSN:18579 655	H-index 11	Vol7/ no24 – Dec; p.4278 - 4282	2019
51	Dry Eyes Status on Des Scale and Related Factors in Outpatients at Vietnam National Institute of Ophthalmology	9	x	Macedonia n Journal of Medical Sciences	IF:0,55 ISSN:18579 655	H-index 11	Vol7/ no24 – Dec; p.4292-4296	2019

52	Evaluation of Anterior Chamber Depth and Anterior Chamber Angle Changing After Phacoemulsification in the Primary Angle Close Suspect Eyes	8		Macedonia n Journal of Medical Sciences	IF:0,55 ISSN:18579 655	H-index 11	Vol7/ no24 – Dec; p. 4297-4300	2019
53	Correlation between functional staging and DDLS in primary open angle glaucoma patients in Vietnam	3	x	Walailak Journal of Science and Technology	IF: 0.41 E-ISSN 2228-835X	H-index 11	Vol 18/ No1	2019
54	Đặc điểm khô mắt trên bệnh nhân Sjogren	4	x	Y học Việt Nam			số 1 tháng 3 / tập 488; tr.259-263	2020
55	Đặc điểm sử dụng thuốc của người bệnh glôcôm theo dõi ngoại trú tại phòng khám ngoại trú glôcôm Bệnh viện Mắt Trung ương	3	x	Y học Việt Nam			số 2 tháng 3 / tập 488; tr.152-157	2020
56	Đánh giá tình trạng tuân thủ sử dụng thuốc của bệnh nhân glôcôm góc mở nguyên phát điều trị tại phòng khám ngoại trú glôcôm Bệnh viện Mắt Trung ương	2	x	Y học Việt Nam			số 2 tháng 3 / tập 488; tr.230-234	2020
57	Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh nhân khô mắt trong hội chứng Sjogren	3	x	Y học Việt Nam			số 1 tháng 4 / tập 489; tr.200-204	2020
58	Hiệu quả điều trị khô mắt bằng Sodium Hyaluronat 0,18% trên mắt glôcôm góc mở nguyên phát nhãn áp điều chỉnh với một thuốc tra mắt nhóm prostaglandin	2	x	Y học Việt Nam			số 2 tháng 4 / tập 489; tr.60- 64	2020
59	So sánh hiệu quả áp 5fluorouacil lên trên và dưới nắp củng mạc trong phẫu thuật cắt bẻ củng giác mạc điều trị glôcôm người trẻ và glôcôm tái phát	2	x	Y học Việt Nam			số 2 tháng 5 / tập 490; tr.208-211	2020
60	Comparing of perimetric Glaucoma Staging System in Asians with primary Glaucoma	6		Eye	IF: 1.87 ISSN: 0950- 222X eISSN 1476-5454	h-index: 86	số tháng 6/2020	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 03

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: **Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):
- Giờ giảng dạy
- + Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- + Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:
- + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
- + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:
- + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐
- Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
- Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2020
NGƯỜI ĐĂNG KÝ


Bùi Thị Vân Anh